

# VÕ NGUYỄN GIÁP (1912 [1911]-2013) Nhìn Lại Bản Lý Lịch Tự Khai

## Chính Đạo

*Hợp Lưu* (Fountain Valley, CA), số 111 (8-9/2010), tr. 108-33.

© 2010, 2013, *Chieu N. Vu. All Rights Reserved.*

*Kính dâng vong linh những người  
đã nằm xuống trong cuộc chiến 1945-1975*

Thứ Hai, 23/8/2010, vô tình vào mạng lưới điện tử Việt Nam—như *Tuổi Trẻ* (Sài Gòn), *Sài Gòn Giải Phóng*—được biết Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh của *Đảng Cộng Sản Việt Nam* [CSVN] mới đến thăm chúc thọ 100 tuổi [ta] Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Tôi tránh nhớ đến một tựa truyện ngắn nổi danh thời “đổi mới”—“Tướng Về hưu,” một thứ anh hùng ca về vị tướng xa rời chiến trận, đối mặt thực trạng xã hội hậu chiến nhem nhuốc như cô con dâu y sĩ nuôi lợn bằng nhau thai nhi, hay “*đầu đường Đại tá và xe,*” nên tình nguyện trở lại chiến trường đón nhận cái chết. Rồi đến câu tuyên bố của Tổng thống Vladimir Putin, phản ánh sự vận hành của xã hội Nga hậu Cộng Sản, là ông ta sẽ lập một đảng đối lập sau khi về hưu. Võ Nguyên Giáp—Đại tướng đầu tiên của Việt Nam hơn 60 năm trước, về hưu đã gần bốn thập niên—chẳng những không xin ra mặt trận để da ngựa bọc

thây, cũng chẳng lập đảng đối lập. Gần cuối đời chỉ viết vài kháng thư về quặng *bô-xít* [*bauxite*: mỏ nhôm], nhưng Đảng vẫn *đường ta, ta cứ đi*.

Vì tài liệu văn khố Đảng CSVN và Bộ Quốc Phòng Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam [CHXHCNVN] chưa giải mật, chưa thể có tiểu sử đầy đủ về Võ Nguyên Giáp. Ngay bản tự khai lý lịch trong Kho Quốc Hội của Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia [TTLTQG] 3 (Hà Nội) cũng còn thiếu sót. Bản tóm lược này im lặng về cha mẹ, ba đời lý lịch, hay hai đời vợ của Tướng Giáp. Hoạt động chính trị từ 1925-1946 cũng quá sơ lược và đôi chỗ sai lầm. Trường thiên anh hùng ca “Điện Biên Phủ” ngày càng vụn rơi son phấn vì dù diễn ra trên đất nước Việt Nam, hàng chục ngàn thanh niên thiếu nữ Việt thương vong—kể cả nguyên một Trung đoàn hậu thân của Trung Đoàn Thủ Đô bị tiêu diệt—người hoạch định, chỉ huy chiến dịch là Mao Nhuận Chi [Trạch Đông], Quân Ủy Trung Ương và Bộ Tổng Tham Mưu Quân Giải Phóng, cùng Vi Quốc Thanh và gần 300 cố vấn Trung Cộng. Mục đích chính cũng không nhằm định thắng bại mà là **đình chiến, tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tập trung quân sự**—với lời hứa hẹn **tổng tuyển cử trong vòng hai năm**. Nó là sản phẩm tuyên truyền sỉ máu của tổ hợp Mat-sco-va, Bắc Kinh và Tuyên Quang. Tướng Giáp—với phương vị chỉ huy *hờ*—thêm một lần có công đứng ra nhận chiến công.

## I. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ:

Từ năm 1945, “Võ Nguyên Giáp” được nhắc nhở khá nhiều, trong nước cũng như ở hải ngoại, bằng nhiều ngôn ngữ, có lẽ chỉ thua Hồ Chí Minh (1890-1969), tức “Linov” Nguyễn Sinh Côn (1892-1969). Thực ra, Võ Nguyên Giáp chỉ là một bí danh của Võ Giáp. Trong số những bí danh khác có tên Văn (ghi trong lý lịch Đảng và tài liệu Mỹ năm 1945), và Dương Hoài Nam.

Chắc chắn là chưa tác giả thế giới nào đã biết hoặc nhắc đến tên “Võ Giáp,” sinh ngày “25/8/1911 [2/7 Tân Hợi] tại thôn An Xá, nay thuộc xã Lộc Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình; xuất thân từ một gia đình trung nông; bản thân trí thức” (1) *Bách Khoa Từ Điển Quân Sự [BKTDQSVN]* của Bộ Quốc Phòng CHXHCNVN, ấn bản 1996, ghi Giáp sinh năm 1911. Một tài liệu CSVN khác ghi Giáp sinh năm 1910. (2)

1. Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia [TTLTQG] 3 (Hà Nội), Quốc Hội [QH], Hồ Sơ [HS] 5865. Xem thêm, Bernard B. Fall, *The Two Vietnams* (New York: 1965), tr. 10; Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars, 1950-1975* (Chapel Hill: 2000), tr. 33-4.

2. *Nhân Dân [ND]* (Hà Nội), 11/9/1960.

Tài liệu Pháp thường ghi năm sinh 1912 tại An Xá, Quảng Bình, Trung Kỳ. (3) Trong năm 1946 tình báo Pháp phong Võ Nguyên Giáp năm 1937 [26 tuổi] làm “Khoa trưởng trường Luật Hà Nội,” qua Nga huấn luyện trong thời gian 1939-1940, rồi gặp Hồ Chí Minh ở Trung Hoa, gia nhập Việt Minh, về nước năm 1944. (4) Cũng có tài liệu ngoại quốc ghi Giáp là Tiến sĩ Luật. (5) Sự hoang tưởng này do thiếu hiểu biết hệ thống giáo dục Đông Dương thời Pháp thuộc. Trường Luật thời đó chỉ có **chương trình cử nhân ba năm**, và chương **trình huấn luyện quan lại, gọi là Cao Đẳng Pháp Chính**. Muốn thi Tiến sĩ phải qua Pháp học thêm. (6) Các y sĩ Đông Dương cũng vậy. Những người xuất sắc nhất được học bổng qua Pháp, hoàn tất bằng tú tài Pháp (Baccalaureat) rồi trình luận án.

3. SHAT (Vincennes), 10H xxx.

4. Amiral Thierry d’Argenlieu, *Chronique d’Indochine, 1945-1947* (Paris: Albin Michel, 1985), tr. 254 (dẫn tin tình báo ngày 11/4/1946).

5. Sainteny, 1953:86-7; Archimedes L. Patti, *Why Vietnam? Prelude to America's Albatros* (Berkeley, Cal.: Univ of California

Press, 1980), tr. 209. [Ngày 27/8/1945, Patti dàn xếp cho Giáp và Dương Đức Hiền thăm Sainteny. Sainteny báo cho “Tiến sĩ Luật” Giáp và Hiền biết về quyết định Potsdam. Toán Sainteny đã thêm 7 người từ tàu *Crayssac* ngày 23/8/1945, tổng số lên 11 người].

6. Thí dụ tiêu biểu là Cử nhân Nguyễn Văn Ninh, tức Nguyễn An Ninh (1900-1943), Giám đốc La Cloche Fêlée [Chuông Rạn hay Rẻ]; Chính Đạo, VNNB: Tập III: Nhân Vật Chí (Houston: Văn Hóa, 1997), tr 397-98. Xem thêm tiểu sử Vũ Văn Hiền, Phan Anh trong Vũ Đình Hoè, *Hồi ký Vũ Đình Hoè* (Hà Nội: 2004).

Theo tóm lược lý lịch, đầu thập niên 1920, khi mới 9 tuổi, Võ Giáp vào Huế trọ học. Năm 1925-1926, dù còn là thiếu niên, mới 13-14 tuổi khai sinh, Giáp đã tham gia bãi khoá đòi phóng thích Phan Bội Châu (1868-1940), hay làm quốc táng Phan Chu Trinh (1872-1926).

Thời gian này, ảnh hưởng nhóm Thanh Niên—tức *Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội [VNTNKM/ĐCH]* ở Quảng Châu [Canton], tiền thân *Đảng Cộng Sản Việt Nam [CSVN]*—bành trướng tới bắc Trung Kỳ và Huế. Giáp từng leo lên cây đọc vụng trộm tập sách quốc cấm, *Le procès de la colonization française [Bản Án Chế Độ Thuộc Địa Pháp]* của Nguyễn Ái Quốc (1894-1932, 1941), tức Linov Côn, lúc ấy hoạt động cho QTCS dưới bí danh Lý Thụy.

Theo lí lịch tự khai, năm 1927 Giáp gia nhập *Tân Việt Cách Mạng Đảng*. Chi tiết này có lẽ không đúng. Năm 1927, tổ chức *Hung Nam* của nhóm Trần Mộng Bạch, Đào Duy Anh, v.. v... mới đổi tên thành *Việt Nam Cách Mệnh Đảng [VNCMĐ]*. Bạch cử Trần Phú (1903-1931) sang Quảng Châu để bàn chuyện thống nhất với nhóm Thanh Niên, nhưng Phú gia nhập tổ chức này, được vào trường Whampao [Hoàng Phố], rồi qua Đại Học Phương Đông [KUTV] ở Mat-sco-va. Năm 1928, nhóm Bạch, Anh, Hà Huy Tập (1906-1941) mới đổi tên VNCMĐ thành *Tân Việt Cách Mạng*

*Đảng [TVCMD]*. Ngày 14/7/1928, Đào Duy Anh được cử làm Tổng thư ký. Nhân kỳ (Trung) có Đặng Thái Mai, Võ Liêm Sơn, Nguyễn Hữu Diếu, Trần Hữu Duân, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp, v.. v.. Tháng 7/1929, do lời khai của Tú Đản, Anh bị bắt ở Huế. Ngày 1/1/1930, TVCMD đổi tên thành *Việt Nam Cộng Sản Liên Đoàn* hay *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn [CSLD]*. (7)

7. Đào Duy Anh, *Nhớ Nghĩ Chiều Hôm* (Hà Nội: NXB Trẻ, 1989), tr. 44; *Văn Kiện Đảng Toàn Tập [VKĐTT]*, vol I.: 1924-1930, (Hà Nội: 2002), tr. 333-80, 401-5 [CSLD]; CAOM (Aix), SLOTFOM, III, Carton 48; Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, 1982:122.

Trong khi đó, hội Thanh Niên do Hồ Tùng Mậu điều khiển từ Hong Kong bị phân hóa trầm trọng. Sau Hội nghị tháng 5/1929, ngày 17/6/1929 xứ ủy Bắc Kỳ của nhóm Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự v.. v... thành lập *Đông Dương Cộng Sản Đảng [ĐDCS]*, xuất bản cơ quan ngôn luận *Búa Liềm*, rồi gửi Ngô Gia Tự (Ngô Sĩ Quyết), Hạ Bá Cang, Nguyễn Trọng Nhã và Võ Phong vào hoạt động ở Nam Kỳ. Tháng 8/1929, xứ ủy Nam Kỳ của VNKMTN/ĐCH cải danh thành *An Nam Cộng Sản Đảng [ANCSĐ]*. Tháng 11/1929, Lê Văn Phan [Hồng Sơn] tán thành và khuyến khích nhóm ANCSĐ. (8) Ngày 6/1/1930, do Hồ Tùng Mậu yêu cầu, Nguyễn Ái Quốc tự động triệu tập Hội nghị thống nhất gồm 5 đại biểu hai nhóm Thanh Niên—tức ĐDCSĐ ở miền Bắc và ANCSĐ ở miền nam. Đại diện ĐDCSĐ yêu cầu Quốc phải trình giấy ủy nhiệm của QTCS mới chịu họp. Kết quả, Thanh Niên biến thành *Đảng Cộng Sản Việt Nam [CSVN]*. Đích thân Hồ soạn thảo mọi tài liệu, tức “Sách lược vắn tắt của Đảng” và “Lời kêu gọi.” (8)

7. CAOM (Aix), GGI, d. 64234; Ibid., SLOTFOM, III, carton 34 (note tháng 3-4/1930); Hoàng Quốc Việt, *Chặng đường nóng bỏng* (Hà Nội: Lao động, 1985), pp. 59-73; Huỳnh Kim Khánh, 1982:120.

8. Huỳnh Kim Khánh, 1982: 125-26, 182, chú 94; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh, 1892-1969: Con Người & Huyền Thoại*, 3 tập (Houton: Văn Hoá, 1991-1997), I:247, II:100-2; William Duiker, *Ho Chi Minh*, 2000:610n39.

Ngày 18/2/1930, Quác (Victor) báo cáo lên QTCS về hội nghị thống nhất trên. QTCS không chấp thuận, cử Trần Phú (Likwei, 1904-1931) về triệu tập Hội nghị Ban Chấp Ủy Trung Ương [BCUTU] lần thứ 1 vào đúng ngày lễ Song Thập [10/10/1930], để đổi tên thành *Đảng CSĐĐ*, với Phú làm Tổng thư ký chỉ định. Ngày 11/4/1931, QTCS thừa nhận Đảng CSĐĐ làm đoàn viên, trợ cấp 5,000 quan Pháp [francs] hay 1,200 MK mỗi năm. (9)

9. *VKĐTT*, III:1931, 1999:309; Báo cáo ngày 15/1/1935 của Hải An [Litvinov] gửi Comintern [tiếng Nga, 12 tr], RC 495, Box 154, 686; Đỗ Quang Hưng, 1999, 3:4; *Lê Hồng Phong* [LHP], (Hà Nội: 2002), tr. 685-97; UBNCLSD/TU, 50 năm, pp. 30-41; Huỳnh Kim Khánh, 1983:125n1.

Quác không được mời tham dự Hội nghị 1. QTCS cũng ngừng giao công tác cho Quác. Trong khi đó, Hà Huy Tập và một số cán bộ ở Mat-sco-va phê bình điều lệ cùng các tài liệu Đảng CSVN nặng mùi cải lương [reformist], tư sản, quốc gia [nationalistic]. Mùa Đông 1930, Quác tìm quên trong cuộc hôn nhân cách mạng thứ hai với Lý Huệ Sương, tức “cô Duy” Nguyễn Thị Vịnh, vì Lâm Đức Thụ (Nguyễn Công Viên) đã ra mặt chống Cộng và bộc lộ thân thế “Finot” mật thám cho Tây, trong khi người vợ Quảng Đông Tăng Tuyết Minh biệt tích. (10)

10. CAOM (Aix), SPCE 367; Duiker, 2000:198-99, 247.

Thời gian này, đảng CSĐĐ tổ chức một loạt những cuộc đình công từ các đồn điền cao su ở miền nam tới Nam Định, Hải Phòng, Hòn Gai, rồi những cuộc biểu tình ngày Lễ Lao động 1/5/1930, và lên cao điểm với phong trào Sô-viét Nghệ An từ tháng 8/1930, tới đầu 1931—đốt phá trụ sở hành chính xã thôn, bắt quan lại ký tên vào đơn xin giảm sưu dịch. (11)

11. Báo cáo ngày 19/2/1931, Victor [Con] gửi Ban Phương Đông; *VKĐTT*, III: 1931, 1999:55-8; *LHP*, 2002:699-706. Năm 1936, để giúp Quốc [Linov] sửa sai và bạch hóa hồ sơ, Vassilyeva báo cáo: “Nó [hội nghị thống nhất hai nhóm Thanh Niên] là một việc làm sáng tạo **gần giống** với ý định QTCS. Sau đó, tại Đông Dương, một đảng thống nhất được thiết lập;” RC 495, Box 10a, 139a, p. 10; Kurihara, 2000, 60:29.

Pháp phải sử dụng Lê Dương và phi cơ đánh dẹp “*phong trào khủng bố đỏ*” này, bắt giữ gần trọn BCUTU và các xứ ủy. Tổng lý Nguyễn Hữu Bài và quan lại Việt rất hăng hái lập công, kể cả Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Diệm. Dài theo đường xá, chợ búa, thủ cấp nạn nhân đối mặt nhau, đong đưa theo gió. Sau Hội nghị BCUTU thứ 2 ngày 12/3/1931, Trần Phú bị sa lưới ngày 19/4, rồi “chết vì ho lao” trong ngục ngày 6/9/1931. Một số cựu học viên KUTV tích cực góp công lớn, kể cả anh em Thomas Đặng Đình Thọ và Đặng Văn Thu, chủ một quán ăn ở Le Havre. (12)

12. CAOM [Aix], SLOTFOM, III, c. 115; GGI, DAP & SG, *Contribution*, vol V: *Le Dang Cong San Dong Duong* (Hanoi: 1933); Huynh Kim Khanh, 1982, chapters II and III. Thomas Đặng Đình Thọ—còn có bí danh Lomani và Pietrov—cùng Nguyễn Văn Tạo, Trần Tiến Ban dự Đại hội VI QTCS tại Nga vào tháng 7/1928, khi là học viên KUTV (3/11/1927-1929. Chỉ điểm được hơn 30 cựu học viên KUTV và khiến Tạo bị trục xuất khỏi Pháp. Đặng Văn Thu một thời là Bí thư chi bộ CS Le Havre.



Pháp còn phối hợp với Bri-tên và Dutch [Hòa Lan] mở chiến dịch thanh Cộng toàn Viễn Đông. Hồ Tùng Mậu và cô Duy bị bắt ở Hong Kong ngày 21/4/1931, rồi trục xuất qua Quảng Châu. (RC 495, 201, 35) Ngày 6/6/1931, đến lượt Quắc bị bắt ở Cửu Long [Kowloon], vì nhập cảnh bất hợp pháp. (13) Tháng 12/1932, Toàn quyền Pierre Pasquier kêu hãnh tuyên bố đã tiêu diệt được Đảng CSĐĐ. Đồng thời yêu cầu Hong Kong dẫn độ Quắc về Đông Dương—vì ngày 11/10/1929, Quắc cùng 6 người khác đã bị toà án Vinh kết án tử hình khiêm diện.

13. W 8677, 8756, 8757, 8886, 8930, 9205, 9339; RC 300/17/T 8635/Fed 8635/374; CAOM (Aix), SLOTFOM, III, c. 140.

Tuy nhiên, Hội Thập tự đỏ của QTCS mượn văn phòng luật sư Frank Loseby chống lại việc dẫn độ Quắc. Cuối cùng, ngày 19/1/1933, Thống đốc Hong Kong William Peel thông báo cho Đông Dương biết Quắc **đã chết trong ngục vì ho lao và nghiện thuốc phiện**. (14) Hôm sau, ngày 20/1/1933, Quắc được dàn xếp đưa lên Thượng Hải, và tìm đến Vladivostok [Hải Sâm Uy] vào giữa năm 1933. Tin Quắc chết còn do Luật sư Loseby tung ra (*New York Times*, 6 Sept 1969), và KUTV cũng từng làm lễ tưởng niệm Quắc vào tháng 6/1932. Tháng 9/1933, khi được Dalburo Thượng Hải hỏi về Song Man Cho (Tống Văn Sơ, Quắc), thoát tiên QTCS nói không biết là ai. Nhưng sau đó dàn xếp cho Quắc về Mat-sco-va, theo học trường Lenin từ ngày 1/10/1934 dưới bí danh “Lin” hay “Linov.” (15) Bức hình Quắc chụp trong thời kỳ này do Hồng Hà công bố năm 1980 cho thấy Quắc cạo trọc đầu—chẳng hiểu vì “sốt rét” hay trải qua một thời gian giam cứu, hoặc cả hai.

14. CAOM [Aix], GGI, d. 64234; “Biographie de Ho Chi Minh (1949);” *Ibid.*, 19 PA, c. 4, d. 62; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*, vol. II, tr. 83, 99; Duiker, 2000:618ns13,15.



15. RC 495, Box 184, File 54, p. 106 and 36, pp. 175; Tran Van Hung, 2000, 8:54.

Phản Võ Giáp bị bắt năm 1930 vì gia nhập hội kín, và ngày 25/11/1930 bị toà Thừa Thiên kết án hai năm tù. Gần một năm sau, ngày 18/11/1931, được tạm thích, chỉ định cư trú tại Quảng Bình. Do sự ưu đãi của Louis Marty, Giám đốc Liêm Phóng [Sureté] Đông Dương, năm 1932 Giáp ra Hà Nội tiếp tục học. (Có tin Giáp là con nuôi Marty) Đồng thời dạy học tại trường tư thục Thăng Long, Hà Nội.

## II. NGỮ A MỚI:

Theo lý lịch tự khai, trong ba năm 1936-1939, Giáp hoạt động trong *Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương*, ban nửa hợp pháp của Đảng CSDD. Đây là Đảng Cộng Sản mới do các cựu học viên Đại học Phương Đông [KUTV] tái tổ chức năm 1935. Giáp là biên tập viên các báo Đảng; sáng lập báo *Le Travail [Lao Động]* (có Đặng Thái Mai, cha vợ tương lai thứ hai, cộng tác). Viết báo *Notre Voix [Tiếng nói chúng ta]*, *En Avant [Tiến lên]*, *Rassemblement [Tập hợp]*, *Đời nay*, *Tin tức*, *Thời báo*, *Cờ Giải Phóng*. Tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội (1936-1937), đề nghị lên chính phủ Pháp và phái đoàn điều tra Quốc Hội những đòi hỏi cải cách. Giáp được cử làm Chủ tịch Ủy Ban Báo chí Bắc Kỳ.

Trong số cấp chỉ huy của Giáp thời gian này có Peznhef Trần Đình Long (1904-1946), gốc Nam Định. Năm 1927 Long lưu lạc tới Paris, làm nghề đánh véc-ni. Rồi sang Mat-sơ-va học tại KUTV từ 20/3/1928 tới 20/11/1931. Năm 1932, cùng Litvinov Lê Huy Doãn (Hồng Phong, 1902-1942) trở lại Trung Hoa để tái lập Đảng CSDD. (Sokolov, 269-70). Năm 1935, bị bắt ở Sài Gòn 4 tháng, rồi ra Hà Nội hoạt động cho các báo *Le Travail*, *Rassemblement*, *En Avant*. Báo *Thời thế* từng đăng phần đầu hồi ký “Ba Năm Ở Nga Xô Viết” (1937) của Long. Năm 1938-1939, tham

gia các báo *Tin Tức, Đời Nay, Notre Voix*. Năm 1940, bị tập trung ở Sơn La tới tháng 3/1945.

Đây là giai đoạn có thể mệnh danh là “hòa hoãn” [détente], hay mặt trận thống nhất [united front] giữa Đệ Tam QTCS và mọi khuynh hướng chính trị hay hệ thống xã hội khác nhau, kể cả thực dân—hòn đá tảng của Nghị quyết Đại hội thứ VII QTCS (7-8/1935). QTCS cho lệnh Đảng CSĐĐ phải bạch hóa mọi tổ chức ngoại vi. Litvinov Doãn cử Cinitchkin Tập về nội địa, tái lập Ban Chấp Ủy Trung Ương [BCUTU] và các xứ ủy. Hội nghị Bà Điểm cử Cinitchkin Tập làm Quyền Tổng Thư Ký. Nhưng Cinitchkin Tập không tuân theo chỉ thị tranh đấu hợp pháp của QTCS. Sau chuyến viếng thăm Đông Dương của Dân Biểu CS Pháp Maurice Honel từ tháng 7 đến tháng 9/1937, Cinitchkin Tập mới nhượng bộ.

Trong mùa Hè 1937, nhóm Stalinist như Dương Bạch Mai, Lê Văn Kiết và Nguyễn Văn “Bảy” Trần cũng đoạn tuyệt với nhóm Trotskyite của tờ *La Lutte/Tranh Đấu*. Kiết và Trần lập tờ *Avant Garde*, rồi thuê thêm tờ *Kịch bóng, Le Peuple/Dân Chúng*. Nội bộ những trí thức tả phái, tự nhận là Trotskyite [đệ tứ], cũng phân hóa—những cuộc bút chiến giữa nhóm *La Lutte/Tranh Đấu* và *Tháng Mười* của Hồ Hữu Tường gay gắt chẳng kém cuộc bút chiến giữa Đệ Tam và Đệ Tứ. Phản ứng của nhóm tư sản ôn hòa hay thân Pháp—như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long, Lê Quang Liêm tự Bảy của nhóm Lập Hiến hay Nguyễn Văn Thịnh, Trần Văn Đôn thuộc nhóm Dân Chủ—cũng ngày thêm gia tăng. Họ rút ra khỏi tổ chức Đại Hội Đông Dương, và một số ít được đưa lên thay thế các đại diện Trotskyite bị kết tội tranh cử bất hợp pháp. Nhóm Stalinist cũng đứng ra riêng một liên danh tranh cử Hội đồng thành phố Sài Gòn. **Thực ra, quan hệ giữa Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch và Phan Văn Hùm với nhóm Stalinist (Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Trần) chỉ dựa trên giao tình cá nhân.** Đa số đều du học Pháp và bị trục xuất khi tranh đấu đòi trả tự do cho đảng viên VNQDD trong vụ nổi dậy ở Yên Bái và Phú Thọ. Nhưng

Litvinov Doãn hay Cinitchkin Tập đã nhận chỉ thị rõ ràng: **Hợp tác với bất cứ ai, ngoài bọn Trotskyite.**(**Bản thân Trotsky bị giết bằng búa ở Mê-hi-cô [Mexico].**)

Phần các nhóm kháng Pháp không Cộng Sản, ngoài cán bộ VNQDD kỳ cựu, xuất hiện nhiều tổ chức Đại Việt có khuynh hướng thân Nhật. Anh em Ngô Đình Khôi-Ngô Đình Diệm được xếp hạng là “nhóm 1884” —tức đòi hỏi Pháp trở lại với tinh thần Hiệp ước Bảo hộ 6/6/1884, sát nhập Bắc Kỳ vào Trung Kỳ, trở lại với chính sách bảo hộ kiểm soát hơn trực trị. Nhóm Cinitchkin Tập không ngớt đả kích chủ trương “Pháp-Việt đề huề” của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, hay anh em họ Ngô.

Tại Hà Nội, Giáp kết hôn lần thứ nhất với Nguyễn Thị Quang Thái, học viên trường nữ hộ sinh. Quang Thái là con Nguyễn Huy Bình, thư ký tàu lửa ở Vinh, và, Đỗ Thị Thơ, quê Hà Tĩnh. Chị ruột Thái là Vịnh, tức cô Duy, Fan Lan hay Minh Khai đã lược nhắc ở trên.

Từ Mat-sco-va trở lại Sài Gòn vào tháng 7 hay tháng 8/1937, Minh Khai—với sự tiếp sức của Honel—khuyến bảo Cinitchkin Tập bỏ thái độ biệt phân, tuân hành chủ trương “Mặt Trận Thống Nhất” của Đại hội QTCS VII. Litvinov Doãn cũng trao UBCHON cho Kan Nguyễn Ngọc Vi, trở lại Sài Gòn với phương vị đại diện QTCS. Litvinov Doãn trở thành chồng cách mạng của Minh Khai, và giúp đưa Nguyễn Văn Cừ (Phùng Ngọc Tường) lên chức Tổng Thư Ký. Năm 1939, Minh Khai cũng được cử làm Thành Ủy Viên Sài Gòn-Chợ Lớn.

Từ năm 1937, các viên chức thuộc địa Pháp bắt đầu đổi sang thái độ đàn áp ngăn ngừa. Ngày 8/3/1937, báo *Le Travail [Lao Động]* bị đưa ra trước tòa án thành phố Hà Nội. Báo *Dân Chúng* ở Sài Gòn cũng trở thành mục tiêu của mật thám Pháp. Tháng 4/1938, Tổng thư ký Nguyễn Văn Cừ bị bắt ở Sài Gòn, rồi chỉ định cư trú ở quê. Cinitchkin Tập bị bắt tại Chợ Lớn tháng 5/1938 rồi năm sau cũng bị dẫn giải về quê. Những công đoàn và báo chí liên hệ với CS liên tục bị đàn áp. Litvinov Doãn rút vào bí mật

nhưng vẫn bị bắt ngày 22/6/1939 khi mang thông hành giả tên La Anh. (16) Sau khi Thế chiến II bùng nổ, ngày 28/9/1939, Toàn quyền Georges Catroux (1939-1940) theo gương Paris đặt Cộng Sản ra ngoài vòng pháp luật, và tảo thanh các phe phái chính trị, tôn giáo khắp Đông Dương. Tháng 11/1939, Hội nghị 6 của Đảng CSDD tại Bà Điểm nghị quyết thành lập *Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Phản Đế Đông Dương* mục đích đánh đổ đế quốc Pháp, vua chúa bôn xứ và tất cả bọn tay sai của đế quốc phản bội dân tộc chuẩn bị cướp chính quyền khi thời cơ đến, dưới sự chỉ huy của vô sản giai cấp. (VKĐTT, 6:1936-1939, 2000:539-43) Tuy nhiên, đoạn cuối của thời những cựu sinh viên Nga khó tránh.

16. CAOM (Aix), RST F69(24); “Notice . . . Jan 1940”; Ibid., 7F 27; VKĐTT, 6:1936-1939, 2000:509-67; LHP, 2002:129, 133.

Tháng 12/1939, Litvinov Doãn được phóng thích, nhưng ngày 18/1/1940 bị bắt lại ở Phan Thiết cùng Cinitchkin Tập, rồi dẫn giải về Sài Gòn. Ngày hôm trước, 17/1, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn cùng hai người khác bị bắt giữ ở số 19 hẻm Nguyễn Tấn Nghiệm, phía sau ga Sài Gòn [cũ], vì một liên lạc viên người Minh hương của Quốc đã tìm đến đây. Đảng CSDD nói riêng và các đảng phái Việt Nam trải qua một cuộc khủng bố trắng, có phần sắt máu hơn cả thời Sô-Viết Nghệ An năm 1930-1931.

Chưa có tài liệu văn khố nào giúp xác định liên hệ giữa Minh Khai và Võ Giáp trong thời gian này. Chỉ biết học hết năm thứ hai Luật (chương trình cử nhân ba năm), Giáp ly khai gia đình, rút vào bí mật năm 1939, rồi được Bùi Đức Minh đưa qua Vân Nam cùng Phạm Văn Đồng (1908-2000) vào tháng 5/1940.

Đồng, nhân vật thân tín thứ hai của Hồ Chí Minh, là con một quan lớn ở triều đình [Phạm Văn Nga hay Ngà], gốc Quảng Ngãi. Từng trốn qua Quảng Châu tham dự lớp huấn luyện của Lý Thụy năm 1925, rồi năm sau bị đuổi học vì tham gia phong trào bãi khóa để tang Phan Chu

Trinh. Sau đó, Đồng ra Hà Nội cố thi Tú Tài I, hai lần đều trượt. Bỏ vào Nam, tìm đường sang Pháp, nhưng không thành, phải dạy Pháp văn độ nhật ở Chợ Lớn. Sau khi sang Hong Kong dự Đại hội Thanh Niên vào tháng 5/1929, với tư cách đại biểu Nam Kỳ, Đồng bị bắt vì liên quan đến vụ giết người ở đường Barbier Tân Định ngày 9/12/1928 do Tôn Đức Thắng chủ mưu. Ngày 28/7/1930, Đồng bị kết án 10 năm tù, đầy ra Côn Đảo. Tháng 6/1936 mới được phóng thích. Năm 1938, được phép rời Quảng Ngãi ra Hà Nội và bí mật hoạt động trong Mặt Trận Dân Chủ. Nhưng tài liệu Mật Thám Pháp ghi trong hai năm 1938-1939, Đồng không có hành vi khả nghi nào. (17)

17. CAOM (Aix), INF, c. 360, d. 2848; dẫn trong Chính Đạo, VNNB: Tập III: Nhân Vật Chí (1997), tr 429-32.

Việc đưa Giáp và Đồng ra hải ngoại này do sự hiện diện của Linov Côn ở Côn Minh từ tháng 2/1940. Sau khi móc nối được BCHON của Kan Vi (Phùng Chí Kiên), Linov Côn mở liên lạc vào trong nước vì Toàn Quyền Catroux đã bắt giữ hầu hết các cán bộ Đảng CSDD hay cựu chính trị phạm từ đầu năm 1940.

Thời gian này, tình hình Đông Dương thật phức tạp. Ngày 22/ 6/1940, tại Âu Châu, Pháp đầu hàng Đức. Nhật Bản bắt đầu nhòm ngó Đông Dương, yêu cầu Pháp chấm dứt việc chuyên chở quân viện cho Tưởng Giới Thạch. Sau đó, quân Nhật được sử dụng Bắc Kỳ để mở một thêm chiến tuyến phía nam, cô lập Tưởng với thế giới (30/8/1940). Thái Lan cũng thừa cơ, đòi Pháp trả lại lãnh thổ cắt nhượng cho Lào và Căm-Bốt [Kampuchea] vào đầu thế kỷ XX, tạo nên những cuộc xung đột dài theo biên giới Lào và Căm-Bốt. Tại Việt Nam, rối loạn bùng nổ khắp ba kỳ. Miền Bắc, Kiến Quốc Quân của Trần Trung Lập theo Sư đoàn 5 Ngự Lâm Quân Nhật vào Lạng Sơn ngày 23-24/9/1940, phá hủy lũy Đồng Đăng. Ngày 24/9, quân Pháp ở Lạng Sơn đầu hàng. Hôm sau, 25/9, Quân đoàn Viễn chinh Đông

Dương Nhật, do Tướng Nishimura Takuma chỉ huy, đổ bộ ở Đồ Sơn, rồi tiến về Hải Phòng, cách đó khoảng 20 cây số về hướng Bắc. Decoux cho lệnh di tản các đơn vị Pháp để tránh chạm súng, nhưng ngày 26/9, Nishimura vẫn đánh bom cảnh cáo Hải Phòng. Ngày 21/10/1940, Sư đoàn 5 Ngự Lâm Quân Nhật triệt thoái Lạng Sơn, về Quảng Châu. Khoảng hơn 1,000 lính bản xứ, kể cả Thượng sĩ Lương Văn Ý (được mang lon Thiếu úy do nhu cầu chiến tranh), ngã theo Kiến Quốc Quân, kéo sang Quảng Châu. Trần Trung Lập quyết giữ Lạng Sơn làm căn cứ. Ngày 28/11/1940, Paul Chauvet tái chiếm Lạng Sơn và Đông Đăng. Trần Trung Lập thua trận, bị xử tử ngày 28/12/1940. (18)

18. Tels số 2852-3, ngày 30/10/1940, Gougal gửi Colonies; CAOM [Aix], CP 193; Cable No. 3369, 30/11/40; Decoux gửi Colonies Vichy; SHAT (Vincennes), 10H xxx; IMTFE, Ex 618-A, III:6865.

Trong khi đó, tù nhân Cộng Sản cũng phá ngục cùng một số lính đào ngũ thiếu số nổi lên ở huyện Bắc Sơn, phía tây tỉnh Lạng Sơn. Tại Nam Kỳ, tình hình trầm trọng hơn. Xứ ủy lâm thời, dưới quyền Thư ký Tạ Uyên, nổi dậy ở Sài Gòn và 11 tỉnh từ tối ngày 22/11 tới 2/12/1940. Nhờ bắt giữ được Uyên lúc 13 giờ ngày 22/11 giữa lúc Uyên đang thảo hịch khởi nghĩa, Thống sứ René Véber kịp thời cho lệnh các tỉnh tăng cường phòng bị, và mở nhiều cuộc hành quân cảnh sát khắp Sài Gòn / Chợ Lớn / Gia Định. 17 cán bộ—kể cả những quân nhân nằm vùng, người phụ trách vận tải và Phan Đăng Lưu, mới họp ở Bắc về—bị bắt giữ. 17G00 chiều đó, đích thân Giám đốc Cảnh Sát Arnoux tới bệnh viện Chợ Quán, bắt tất cả các tù bệnh—như Litvinov Doãn, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu v.. v... — mang về biệt giam trong Khám Chí Hoà. Đồng thời tăng cường phòng thủ nhà lao và việc tuần tiễu trên đường phố.

Tính đến ngày 2/12/1940, CS đã nổi lên ở ngoại ô Sài Gòn và 11 tỉnh Nam Kỳ, tấn công 14 đồn (3 ngoại ô Sài Gòn, 1 ở Cần Thơ,



1 tại Chợ Lớn, 1 Gia Định, 3 Mỹ Tho, 1 Sóc Trăng, 1 Tân An, 3 Vĩnh Long), 10 quận (2 Cần Thơ, 1 Chợ Lớn, 1 Gia Định, 1 Long Xuyên, 2 Mỹ Tho, 2 Trà Vinh, 1 Vĩnh Long), 21 làng (1 Cần Thơ, 2 Châu Đốc, 3 Chợ Lớn, 2 Gia Định, 2 Long Xuyên, 6 Mỹ Tho, 1 Tân An, 1 Trà Vinh, 3 Vĩnh Long). Hai cầu bị phá hủy (Tân An). **Lần đầu tiên CS sử dụng lá cờ đỏ, sao vàng làm kỳ hiệu.** Về phía Pháp, 20 người bị giết (3 Pháp, 13 lính Việt, và 4 dân sự), 9 lính đồng và hương chức mất tích hay bị bắt, 21 người bị thương, 63 súng đủ loại và 298 viên đạn bị mất. Phía Cộng Sản, chết 16 người, 21 bị thương, và hơn 600 người bị bắt. (19)

19. CĐ số 5306 ngày 23/11/1940; số 5323, ngày 25/11/1940; số 1375 ngày 26/11/1940; số 1383, 27/11/1940, số 1401, ngày 29/11/1940; Goucoch gửi Gougal; số 7539, ngày 2/12/1940, Sureté gửi Dirsurge; CAOM (Aix), 14 PA, c. 1; Ibid., INF, C. 100, d. 960; Xem thêm Hưởng ứng cách mạng Bắc Sơn và Nam Kỳ; *VKĐTT*, 7:1940-1945, 2000:93-5.

Nhân cơ hội này, tân Toàn Quyền Jean Decoux (1940-1945) quyết tẩm máu những phần tử kháng Pháp. Vichy đồng ý. Bộ Thuộc Địa cho phép xét xử ngay một số lãnh tụ CS để làm gương. (20) Một mặt, Decoux sử dụng phi cơ, Lê Dương Âu-Phi và lính khố đỏ, khố xanh bản xứ (Việt và Khmer) tái chiếm những làng khởi nghĩa, giết trên 100 cán bộ Cộng Sản, và bắt giữ khoảng 8,000 người tình nghi. Mặt khác, dùng toà án để xét xử, giết hay làm án tù chung thân, khổ sai tất cả những người có thành tích chống Pháp—bất kể Đệ tam, Đệ tứ Cộng Sản [Trót Kít], Cao Đài hay Phật Giáo. Minh Khai—dù bị bắt cùng Nguyễn Hữu Tiến, Lê Văn Kiệt, tức Rémy, trước cuộc nổi dậy 23/11-2/12/1940, bị kêu **hai án tử hình**. Gaston Joseph, Tổng Giám đốc Chính trị vụ Bộ Thuộc địa, yêu cầu Decoux khoan hồng cho Minh Khai, nhưng Decoux bác đơn ân xá ngày 17/5/1941, và xử bắn Vịnh tại Hóc Môn ngày 28/8/1941 cùng với Nguyễn Văn Cừ, Cinitchkin



Tập, v.. v.. Litvinov Doãn, Lê Duẩn, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu bị đày ra Côn Đảo. Nơi đây, Litvinov Doãn và Ninh bỏ mình vì bệnh tật và sự hành hạ thể xác. Những cán bộ CS cao cấp khác, như Trần Văn Giàu, Trần Văn Di đã mãn án tù, bị tập trung vào các trại như Tà Lài, Bà Rá, v.. v... Cuộc khủng bố trắng kéo dài tới cuối năm 1942 mới tạm dứt.

20. CD số 981/R, ngày 26/11/1940; CAOM [Aix], 14 PA, c. 1.

Nhưng cuộc tắm máu của Decoux mở ra một cơ hội mới cho Nguyễn Sinh Côn. Từ ngày rời Mat-scơ-va về Trung Hoa, Côn đã nguy trang như một Thiếu tá [giáo quan] trong phái đoàn Diệp Kiếm Anh huấn luyện du kích chiến cho quân đội Tưởng Giới Thạch nhằm mục đích liên lạc với Ban Chấp Ủy Trung Ương Đảng CSĐĐ, và giải quyết cuộc tranh chấp giữa Cinitchkin Tập với Litvinov Doãn [Hồng Phong]. (21) Hạ tuần tháng 1/1939, báo *Dân Chúng*—cơ quan ngôn luận bán công khai của Đảng CSĐĐ đã đăng hai bài tố cáo sự tàn ác của Nhật ở Trung Hoa của “Đ.C. Lin.” Nhưng chẳng hiểu tại sao vào cuối tháng 7/1939, Linov chỉ nhắc đến hai tờ *Notre Voix* và *Đời Nay*, và báo cáo chưa liên lạc được BCU/TU. Khi tìm đến một cơ sở bí mật ở số 19 hẻm Nguyễn Tấn Nghiệm đã bị Pháp khám phá nhiều tháng trước, liên lạc viên của Linov khiến các lãnh tụ CSĐĐ—kể cả Tổng thư ký Nguyễn Văn Cừ, Litvinov Doãn, Cinitchkin Tập, Lê Duẩn—bị sa lưới Mật Thám Pháp hai ngày 17-18/1/1940.

21. “Notice... 2/1940;” CAOM [Aix], 7F 27; Hoàng Văn Hoan, 1977:97; Nguyễn Lương Bằng, 1977:34; *VKĐTT*, 6, 2000:484-506;

Từ Hoa Nam, Linov Côn (dưới tên Ông Hoàng [Vương] hay Trần [Hò] Quang) khởi đầu tái lập Đảng CSĐĐ và làm sống lại tổ chức *Việt Nam Độc Lập Đồng Minh* hay *Việt Minh*—đã được Hồ Học Lãm và Nguyễn Hải Thần xin phép hoạt động ở Nam Kinh từ năm 1936. Sau khi

tuyên thệ cho Giáp và Đồng, Linov gửi Giáp, dưới bí danh Dương Hoài Nam, tới Quảng Tây, xâm nhập tổ chức Việt Cách của Trương Bội Công. Đồng được đổi tên làm Lâm Thế Kiệt, đứng ra tái lập Việt Minh ở hải ngoại với chức Phó Chủ tịch.

Tháng 5/1941, Linov triệu tập Hội nghị thứ tám [8] khoá I mở rộng trong hang động đá vôi gần biên giới Cao Bằng-Quảng Tây. Đặng Xuân Khu—Quyền Tổng thư ký từ Hội nghị bảy [7] (11/1940), sau này lấy bí danh Trường Chinh—được tái cử chức Tổng thư ký. Quan trọng hơn, Đảng CSDD chấp nhận Việt Minh như mặt trận thống nhất [united front] ngoại vi để hoạt động—kháng Pháp, thân Trung Hoa, thân Mỹ, thân Bri-tên và ngay cả Pháp tự do.

Tại Hà Nội, ngày 10/5/1941, Quang Thái bị trục xuất khỏi trường nữ hộ sinh vì “nhục mạ cờ tam tài,” nên mang con trở lại Vinh, sống bằng nghề bán vải của gia đình. Tháng 8/1941 Quang Thái vào Gia Định chứng kiến cuộc xử tử Minh Khai ở Hóc Môn. Trở lại Vinh, liên hệ với nhóm Nguyễn Hữu Xuyên, Đào Duy Dzênh, Đào Duy Kỳ trong công tác mở đường giây liên lạc giữa Bắc Kỳ với xứ ủy Nam Kỳ. Do đồng chí cung khai và nhận diện, Thái bị bắt ngày 6/6/1942, dẫn ra Hà Nội. Sau đó chết trong ngục. Để lại một con gái. (CAOM (Aix), RST F30 [4])

Võ Giáp đón tin buồn về “chị Thái” khi đang hoạt động ở Cao Bằng để xây dựng căn cứ và mở đường liên lạc với Ban Chấp Ủy Trung Ương của Xuân Khu ở đồng bằng. Giáp cùng Chu Văn Tấn còn được giao tổ chức hai đội du kích đầu tiên.

### III. QUAN HỆ VỚI TÌNH BÁO CHIẾN LƯỢC

[OSS] MỸ:

Cuối tháng 8/1942, Linov Côn cải danh thành Hồ Chí Minh, vượt biên giới qua Trung Hoa xin cầu viện và đánh phá tổ chức Hoa

quân Nhập Việt của Trương Phát Khuê, Tư lệnh Đệ Tứ Phương Diện Quân, Quảng Tây. Bị bắt giữ hơn một năm vì nhập cảnh lậu, mang giấy thông hành quá hạn. Nhờ sự can thiệp của thuộc hạ—nhất là Phạm Văn Đồng, Hoàng Văn Hoan và nhóm Phạm Việt Tử ở Vân Nam, dưới danh nghĩa *Hội Chống Xâm Lược Đông Dương*, và *Hội Giải Phóng* chống Nhật—Hồ lọt vào sự chú ý của Mỹ và Đái Lập, Giám đốc Mật Vụ của Tưởng Giới Thạch. Tháng 5/1943, Hồ được tạm thích, đặt dưới sự kiểm soát của Tướng Hầu Chí Minh, đại diện *Trung Hoa Quốc Dân Đảng* bên cạnh Trương Phát Khuê và chỉ đạo thất *Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội (VNCMĐMH, tức Việt Cách hay Đồng Minh Hội)* ở Liễu Châu. Tổ chức này do Trương Bội Công cầm đầu, với sự tham gia của Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Hoàng Lương và nhóm Kiến Quốc Quân khoảng 500-600 người của Thượng sĩ Lương Văn Ý.

Ngày 10/9/1943, Hồ được tự do. Tháng 9/1944, Hồ về nước, mang theo 18 cán bộ Việt Cách đã được Trung Hoa huấn luyện. Việc hồi hương của Hồ như một mũi thuốc bổ chích vào cánh tay Việt Minh. Hồ kịp thời bác quyết định nổi dậy theo gương Nam Kỳ năm 1940 của BCUTU. Thêm vào đó, du kích Việt Minh mới giải cứu được một phi công Mỹ bị bắn rơi, đưa về Tổng Hành Dinh. Hồ muốn dùng phi công Shaw làm chất xúc tác liên lạc với Bộ Tư lệnh Phi đoàn Cọp Bay của tướng Claire Chennault tại Côn Minh.

Ngày 22/12/1944, Hồ giao cho Giáp trách nhiệm thành lập Đoàn vũ trang tuyên truyền giải phóng, tức tiền thân Quân Đội Nhân Dân [QĐND] hiện nay.

Những nỗ lực đầu tiên móc nối với Mỹ trong tháng 2/1945 bị thất bại. May mắn, giữa lúc đó xảy ra chiến dịch *Meigo* của Nhật. Hầu hết những nguồn tin tình báo tại nội địa Đông Dương do Pháp [France Libre] và Hoa kiều [GBT] cung cấp đều bị cắt đứt. Các viên chức Mỹ bèn quyết định sử dụng Hồ và Việt Minh, song song với các quân nhân Pháp đã bỏ chạy qua Trung Hoa như Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Monfort, v.. v..

đang tập trung huấn luyện ở Bách Sắc. Ngày 27/3/1945, Tướng Chennault tiếp kiến Hồ tại Côn Minh. Sau đó Hồ được đáp phi cơ qua Bách Sắc để giới thiệu với Trương Phát Khuê và viên chức Mỹ. Đại tá Paul Helliwell, Giám đốc OSS Secret Intelligence [SI] Branch tại Trung Hoa, cử Đại úy Archimedes Patti, Phụ tá đặc trách Đông Dương, nghiên cứu về Việt Minh, gặp Hồ ở Bách Sắc, ngày 27/4/1945. Cuối tháng 4/1945, hai nhân viên Mỹ Frank Tan, đại diện AGAS, và Mac Shin cùng Hồ vượt biên trở lại nội địa. Tình báo Pháp ghi HCM nhận được tài trợ ít nhất 1 triệu quan TH [500 MK] một tháng. (22)

22. CAOM (Aix), INF, c. 134, d. 1229; Báo cáo ngày 22/8/1945, William J. Donovan gửi Byrnes; Bộ Quốc Phòng, *US-Vietnam Relations, 1947-1967* (Washington, DC: GPO, 1971), Bk I, C 58-9, 67; *The Pentagon Papers* (Gravel), vol. I, pp. 17, 20, 50, 51; Patti, 1980:29-30, 31, 46, 50, 51, 61-3, 67-71, 82-8; René Defourneaux, “Secret Encounter with Ho Chi Minh;” *Look* (NY), 8/9/1966, tr. 32-33; Robert Shaplen, *The Lost Revolution* (NY: Harper & Row, 1965), tr. 30; Charles Fenn, *Ho Chi Minh: A Biographical Introduction* (New York: 1973), 71-5, 76-7, 78, 81; Phùng Thế Tài, *Bác Hồ những kỷ niệm không quên* (Hà Nội: QĐND, 2002), tr. 57-63, 82-7. [Tài là cận vệ của Hồ trong chuyến đi này]; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh: II*, 1993:356; David G. Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley, Cal.: Univ. of California Press, 1995), tr. 227-29, 241, 283 [282-85], 288-91, 304n33, 476-79, 482-90, 498-501, 538-39;

#### A. TOÁN CON NAI [DEER TEAM]:

Tháng 5/1945, Hồ phong Giáp làm Tư lệnh *Việt Nam Giải Phóng Quân*, mở đường về phía tây nam, thành lập căn cứ ở Kim Lung [Luông], huyện Sơn Dương, Tuyên Quang, phía tây Thái Nguyên và Quốc lộ 3 (Hà Nội đi Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng). Hồ mang Frank Tan cùng Mac Shin theo về Kim Lộng. Cùng đi có 44 người hộ vệ, và 25 phu thồ

súng tiểu liên Sten, Thompson, carbines, đạn dược, dụng cụ truyền tin. Cuối tháng 5/1945, Trung úy Dan Phelan nhảy dù xuống Kim Lộng. VM làm một phi trường nhỏ để phi cơ thám thính L-5 có thể hạ cánh.

Ngày 16/7/1945, toán biệt kích Con Nai [Deer Team] của Thiếu tá Allison K. Thomas nhảy dù xuống căn cứ Kim Lung (Luông). Mỹ còn gửi xuống một toán OSS thứ hai, vì Hồ không chấp nhận cán bộ Pháp hay Việt trong quân đội Pháp (đang huấn luyện ở Bách Sắc). Từ đầu tháng 8/1945, Deer Team huấn luyện khoảng 100 “bộ đội Việt Mỹ” do Hồ cung cấp. Theo Thomas, Giáp là “Văn,” nhân vật thứ hai trong Ủy Ban Lãnh Đạo chín [9] người của Mặt Trận Việt Minh. Trong công điện gửi về Côn Minh ngày 17 và 20/7/1945, Thomas cho rằng Hồ Chí Minh (M. C. Ho) hay Văn [Võ Giáp] không phải là Cộng Sản. Mặt Trận Việt Minh [VML] chỉ muốn độc lập và tự do. Hai tháng sau, trong báo cáo tổng kết ngày 17/9, dù ngưỡng mộ cả Hồ và Văn, Thomas nhận định họ khuynh tả, và theo Đại úy Patti, Hồ là một cán bộ Cộng Sản chính gốc [an outright Communist]. Thomas cho rằng tất cả lãnh tụ Việt Minh, kể cả Hồ và Văn, nếu không phải là Cộng Sản thuần thành thì cũng tả khuynh; một số có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa [socialism]. Nhưng đại đa số đoàn viên chưa bao giờ nghe đến tiếng Cộng Sản, hay hiểu Cộng Sản là gì. Với Mỹ, theo Thomas, Hồ và Văn rất thân thiện, chăm sóc tận tình. Quan trọng hơn cả, Thomas thủ diễn vai đặc sứ của Hồ, gửi ra ngoài tất cả những tin tức về Việt Minh, nhất là mục đích đòi độc lập, tự do trong vòng từ 5 tới 15 năm. (23)

23. US Congress. Senate. *Causes, Origins, and Lessons of the Vietnam War. Hearings before the Committee on Foreign Relations, 92nd Congress, 2nd Session, May 1972* (Washington: GPO, 1973), tr. 249, 266-67, 270; Fenn, 1973:80-2, Shaplen, 1965:18-29; Marr, 1995:284.

## B. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT MINH:

Nhiều yếu tố chủ và khách quan khiến Việt Minh phát triển mau chóng trong nửa năm đầu 1945. Lợi dụng nạn đói lan tràn ở miền Bắc, cán bộ Việt Minh tổ chức những cuộc cướp phá kho thóc của Nhật, nêu cao uy tín trong dân chúng. Các toán vũ trang tuyên truyền và ám sát đoàn hoạt động hầu như công khai ở Hà Nội và các vùng ven thị trấn. Chu Văn Tấn và Võ Nguyên Giáp thành lập an toàn khu ở vùng Tuyên Quang-Bắc Kạn, trải tới Cao Bằng. Tháng 5/1945, Hồ di chuyển từ Pác Bó xuống Kim Luông, Tuyên Quang. Toán Con Nai [Deer Team] của Thomas từng cứu Hồ thoát khỏi cơn bệnh mưng mủ chết một sống. Việc tình báo Mỹ và Trung Hoa chấp thuận sử dụng Việt Minh để thu thập tin tình báo còn tạo cho Việt Minh sức mạnh tinh thần và một vũ khí tuyên truyền sắc bén. (24)

Giữa tháng 8/1945, Giáp tham dự Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 của Đảng CSĐĐ, được bầu vào Ban Chấp Ủy Trung Ương Đảng, và UB Khởi nghĩa. Tại Đại hội Tân Trào, được cử vào Ủy Ban Dân Tộc Giải Phóng Việt Nam [UBDTGPVN].

Sau khi Thành ủy Hà Nội đã cướp được chính quyền ngày 19/8, Giáp từ Thái Nguyên về lo việc an ninh. Ngày Chủ Nhật, 26/8, Giáp tổ chức biểu tình đón tiếp một số “ủy viên trong chính phủ và phái bộ điều tra Mỹ [của Patti] mới về Hà Nội.” (Cứu Quốc, 29/8/45). Ngày này, Patti thông báo cho HCM và Giáp biết quyết định của Hội nghị Potsdam chia Đông Dương làm hai vùng chiếm đóng. (Patti 1980:202). Phía nam vĩ tuyến 16, Bri-tên được quyền nhận lễ đầu hàng của Nhật. Tại miền Bắc, Tưởng Giới Thạch được quyền giải giới Nhật.

Mặc dù sau này tài liệu tuyên truyền Pháp và CSVN trình diện quốc quân Trung Hoa dưới góc cạnh xấu xí nhất—như tai hại hơn bom nguyên tử—ở thời điểm này, 152,000 quốc quân Trung Hoa phần nào giúp một số cán bộ Đại Việt và VNQĐĐ thoát cảnh cắt tiết, mổ bụng, hay “mò tôm” trong tay những kẻ kiêu hãnh lấy sự giết người làm thành tích cách mạng. Phe chống Cộng—nhờ thế tựa quốc quân TH—cũng tăng gia



hoạt động. Họ không chỉ chống Cộng mà còn chống cả Pháp. Các toán cảm tử VNQDD ra sức chống lại chiến dịch khùng bố của Việt Minh bằng cách ám sát “Ba” [Đại úy Nguyễn Văn] Viên, một “đảng viên” phản bội, mưu sát Bồ Xuân Luật, bắt cóc Trương Trung Phụng, một lãnh tụ Đồng Minh Hội. Có lần, VNQDD còn bắt cóc được Võ Nguyên Giáp. Trần Đình Long bị bắt cóc rồi thủ tiêu đầu năm 1946. (25)

24. Lê Tùng Sơn, *Nhật ký một chặng đường* (Hà Nội: Văn học, 1978), tr. 110-12 [Mỹ thả 2 đợt, gần 80,000 truyền đơn của Việt Minh xuống Hà Nội, Huế và Việt Bắc]

25. SL số 8, *CQ*, 9/9/1945; SL số 30 ngày 5/9/1945; *Dân Chủ* (Hải Phòng), 19/9/1945; *Cờ Giải Phóng* (Hà Nội), số 21, 30/9/1945; Nguyễn Xuân Chử, 1996:294-304; Vũ Đình Hoè, 2004:750-812; *VKĐTT*, 7:1940-1945, 2000:431-33; Vũ Ngự Chiêu, “Khái Hưng Trần Khánh Giur (1896-1947?): Nỗi buồn người trí thức trong cuộc đời đầy bạo lực, xương máu.” *Hợp Lưu Magazine* (Fountain Valley, CA), No. 104 (3-4/2009), tr. 3-25.

### C. BẠO LỰC CÁCH MẠNG:

Ngày 29/8/1945, trong danh sách chính phủ lâm thời công bố trên báo chí, Võ Nguyên Giáp được cử làm Bộ trưởng Nội Vụ. Ít ngày sau, báo *Độc Lập* giới thiệu Giáp thuộc nhóm “Văn Hoá,” trong khi Hồ Chí Minh—một cái tên xa lạ—thuộc “đảng Quốc Gia.”

Một trong những việc làm đầu tiên của Giáp là đặt ra ngoài vòng pháp luật tất cả những đảng phái chống Cộng, nhất là các nhóm Đại Việt và Thanh Niên do Nhật bảo trợ. Những cuộc tàn sát “Việt Gian,” tay sai cho Pháp diễn ra khốc liệt. Ngay đến các bậc tu hành—từ Thượng tọa Đại Hải (sư phụ Đại Lão Hòa thượng Thích Quảng Độ) tới các linh mục, thầy tế, trùm họ đạo Ki-tô cũng bị thảm sát hay tập trung cải tạo. Chính sách tiêu diệt đối thủ chính trị này lan nhanh xuống Trung và Nam Kỳ. Phạm



Quỳnh, cha con Ngô Đình Khôi, dòng dõi Nguyễn Thân, Tạ Thu Thâu, Vũ Đình Di, bị giết ở Thừa Thiên và Quảng Ngãi. Bùi Quang Chiêu, Lê Quang Liêm tự Bảy, Phan Văn Hùm bị thảm sát trong tay Dương Bạch Mai, Lê Duẩn, Nguyễn Văn “Bảy” Trần, Trần Văn Trà, v.. v.. ở Chợ Đệm và Bình Dương. Hàng chục ngàn người khác bị mò tôm, cắt lưỡi, khoét mắt, mổ bụng thả trôi sông.

Từ ngày 2/3/1946—sau khi thành lập chính phủ liên hiệp, Giáp được cử làm Chủ tịch Ủy ban Liên hiệp Kháng chiến, Bí thư Quân ủy TW, và Ủy viên thường vụ TW Đảng CSĐĐ (thực tế đã giải thể, mang tên *Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mã Khắc Tư*). Được Huỳnh Thúc Kháng và Vũ Trọng Khánh tiếp tay, Giáp và thuộc hạ phát động hàng loạt những cuộc thanh trừng mới. Mở những phiên tòa hình sự, xét xử các đối thủ chính trị qua những tội danh tưởng tượng như trộm cắp, hiếp dâm. Ngay tại Hà Nội, số phận cán bộ VNQDD không kịp thoát thân ra hải ngoại cực kỳ bi thảm, thường được biết như “vụ án Ôn Như Hầu.” Ngày 16/7, Thúc Kháng họp báo, bênh vực việc làm của Giáp và Việt Minh, đả kích VNQDD nặng nề. Cuối tháng 10/1946, tại phiên họp Quốc Hội thứ hai, Tiến sĩ Kháng phát biểu “Lỗi tại tôi,” nhưng không nói thêm được điều gì. Cù Huy Cận đại diện Bộ Nội Vụ cướp lời, tuyên bố: Các đại biểu VNQDD như Lê Ninh, Hoàng Ngọc Bách, Phan Kích Nam, Vũ Đình Tri (người từng thuyết phục Bảo An hàng Việt Minh vào tháng 8/1945), trực hay gián tiếp nhúng tay vào những vụ tống tiền như vụ án Ôn Như Hầu. Bùi Vĩnh Liên ghi tên định hỏi về việc 6 đảng viên QDD bị bắt, nhưng cuối cùng cũng đổi đề tài. (26) Tại miền Trung, Việt Minh bắt giữ một số lớn cán bộ VNQDD như Phan Trung Thuyết (Liên Hiệp Quốc Dân), Trần Thanh Mai, Ngô Han (?), Bửu Viêm, Nguyễn Khoa Phong v.. v... Tại Lào Cai, các khóa sinh trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn của Việt Quốc bị vây hãm, tấn công liên tục, phải vượt qua biên giới. (27)

26. TTLTQG 3 (Hà Nội), QH, HS 4: Khoá họp thứ hai của QH nước VNDCCH tại thủ đô Hà Nội (từ 28/10 đến 9/11 năm 1946). [56 trang. Sao lục lại ngày 1/4/1954]; *VKĐTT*, tập 8:1945-1947, 2001:104; Võ Nguyên Giáp, *KTNQ*, 2001:256-57, 258-59.

27. CAOM (Aix), INF, c. 138-139, d. 1245; *L'Humanité* (Paris), 29 & 30/12/1946; Phạm Văn Liễu, *Trả Ta Sông Núi, Hồi ký*, I, 2002:153-56, 192-201.

Tháng 4-5/1946, Giáp còn tham dự Hội Nghị Trù Bị Đà Lạt (19/4-11/5/1946), với chức vụ Phó Trưởng Đoàn. Trưởng đoàn miền cường là Ngoại trưởng Nguyễn Tường Tam, lúc ấy mọi nỗ lực chỉ dồn vào việc tìm cách xuất ngoại theo quân Trung Hoa. Hội nghị Đà Lạt thất bại, nhưng trên căn bản Phụ ước Quân Sự của Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946, mà Giáp và Vũ Kim Thành ký với Salan, quân Pháp lũ lượt kéo ra thay quân Trung Hoa ở phía bắc vĩ tuyến 16, chuẩn bị đánh đuổi chính phủ Hồ ra mật khu.

Trong thời gian Hồ qua Pháp thương thuyết một hiệp ước chính thức (5-10/1946), Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Trần Đăng Ninh và Giáp xúc tiến việc thành lập chiến khu, mua khí giới, tích trữ thuốc men và thực phẩm, đưa nhà máy in giấy bạc ra an toàn khu. Mật khu ở Thái Nguyên-Tuyên Quang được chính đồn. Trở lại Hà Nội ngày 20/10/1946 với Tam ước [Modus vivendi] 14/9/1946, Hồ chỉ có thời gian vội vã triệu tập Quốc Hội, ban hành Hiến Pháp và thành lập một chính phủ mới hoàn toàn dưới sự kiểm soát Cộng Sản. Ngày 3/11/1946, khi mới 35 tuổi, Giáp được cử làm Bộ trưởng Quốc Phòng, kiêm Tổng chỉ huy quân đội nhân dân và dân quân tự vệ, chuẩn bị rặng đối rặng, mắt đối mắt với Valluy.

#### D. CUỘC TỔNG TẤN CÔNG 19/12/1946:

Ngày 20/11/1946, Pháp lợi dụng cơ hội Tự Vệ (Công An) Việt Minh bắt giữ một xà-lan chở xăng nhớt của Hoa Kiều ở Hải Phòng,

đánh chiếm thị xã cảng, và rồi Lạng Sơn. Lo sợ Pháp sẽ chiếm Hà Nội, Thường vụ Trung Ương và Quân Ủy Trung Ương quyết định đồng loạt tấn công 5 vị trí Pháp phía bắc vĩ tuyến 16 tối ngày 19/12/1946. Giai đoạn 2 của cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh bắt đầu. Nhiều năm sau, Giáp nhận định cuộc chiến khó tránh. Điều này có phần hữu lý, vì với những người như Giáp, cách mạng là tấn công, không tấn công tất thất bại. Phía Charles de Gaulle, Linh mục/Cao Ủy Thierry d'Argenlieu và quan tướng Pháp, nhất là Jean Valluy, quân đội Pháp mạnh hơn, nên ưa thích thương thuyết bằng súng đạn, xe tăng và phi cơ hơn nguyên tắc công pháp quốc tế. Tháng 1/1946, khi tiếp Paul Mus—đặc phái viên của d'Argenlieu về Paris xin phép được nhắc đến tiếng “độc lập” trong khi thương thuyết—de Gaulle chẳng những không thuận, còn đứng thẳng người lên, tuyên bố: “Chúng ta trở lại đó vì chúng ta là những kẻ mạnh hơn.” [Nous rentrons en Indochine parce que nous sommes les plus forts]. (28)

28. L'Institut Charles de Gaulle [ICG], *Le Général de Gaulle et l'Indochine, 1940-1946* (Paris: Plon, 1982), tr. 73; D'Argenlieu, *Chronique*, 1985:131-33. Chính Đạo, *VNNB, I-A: 1939-1946*, 1996:301. [Tài liệu văn khố ghi nhận ngày 7/1/1946, de Langlade thông báo với d'Argenlieu là Mus gặp Bộ trưởng Hải Ngoại Soustelle; rồi ngày 20/1/1946, de Langlade cho biết Mus sẽ gặp de Gaulle, Soustelle và Tướng Juin]; SHAT (Vincennes), Indochine, 10 H xxx].

Thực ra, từ thời điểm này nhìn lại, hiệp ước sơ bộ 6/3/1946 và Modus vivendi 14/9/1946 là giải pháp tốt đẹp cho cả hai phe. Nhưng “sự ưu việt Trung Cổ” của những de Gaulle, d'Argenlieu, Valluy cùng Trường Chinh, Võ Giáp, v.. v.. khiến bỏ lỡ một cơ hội bằng vàng, đưa đất nước và dân tộc Việt vào một địa ngục có thực, suốt hơn 30 năm dài—trong đó người Việt nấu cơm bằng nước mắt, hầu như không nhà nào không có khăn tang và áo sô. Con số hơn 300,000 bộ đội CSVN bị mất tích, chưa

được kiểm kê chỉ là một khía cạnh của cuộc chiến. Đó là chưa nói đến công cùm muôn đời của thực dân Hán tộc—dưới đủ loại màu sắc ý thức hệ—để thôn tính thiên hạ.

Tháng 7/1947, Giáp thôi chức Bộ trưởng Quốc Phòng [BT/QP], lên làm Tổng Tư lệnh quân đội [TTL/QĐNDVN]. Sau chiến dịch Thu-Đông 1947, tháng 1/1948, Hồ phong Giáp lên chức Đại tướng. Chức Đại tướng này chỉ có giá trị chính trị hơn khả năng quân sự.

#### IV. CHIẾN CÔNG . . . CỦA AI?

Trước năm 1977, Võ Giáp thường được coi như tác giả của những chiến công lừng lẫy tại vùng biên giới Việt-Bắc (9-10/1950) hay Điện Biên Phủ (1954). [BKTĐQSVN ấn bản 1996 còn ghi Võ Giáp chỉ huy chiến dịch Biên Giới 1950] Tuy nhiên, tài liệu Trung Cộng và Việt Nam (hồi ký Lê Văn Hiến) cho rằng Chen Geng [Trần Canh] và 281 cán bộ cố vấn quân sự Trung Cộng mở chiến dịch *Lê Hồng Phong II* (9-10/1950) đánh khai thông biên giới, bắt sống được hai chỉ huy cấp tá nổi danh Marcel Le Page và Pierre Charton, cùng khoảng 8,000 tù binh Liên Hiệp Pháp. Trước khi mở chiến dịch, ngày 28/6/1950 HCM đã ký Thông tri tự mình lên chức Tổng Tư lệnh, Võ Nguyên Giáp xuống làm Phó Tổng Tư lệnh kiêm Tổng Tham Mưu Trưởng; Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm TC/CT, và Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm TC/Hậu Cần. Nhưng sau buổi họp Hội Đồng Chính Phủ ngày 10/7/1950, chẳng hiểu tại sao Hồ tạm hoãn kiêm chức TTL/QĐ, cho Giáp tiếp tục làm TTL. (29) Hồ cũng chỉ ban thưởng Giáp huy chương quân công hạng ba, trong khi gửi công điện tạ ơn từ Trần Canh, Vi Quốc Thanh, La Quý Ba, Tổng Nhiệm Củng, tới Lý Thiên Hữu, Trương Quân Dật, Diệp Kiếm Anh, Phương Phương.

29. Thông tri ngày 28/6/1950; *VKĐTT*, 11:1950, 2001:346-47, 380-81.

Theo Trần Canh, VM sử dụng tới khoảng 10,000 lính để đánh khoảng 260 binh sĩ Pháp trấn thủ đồn Đông Khê, tỉ lệ 500:13= 3836% [tức hơn 38 lần], với hỏa lực pháo ưu thế. Nhưng trận đánh kéo dài tới hơn hai ngày. Sau khi diệt đồn, VM thiệt hại 500 người, và một số tàn binh Pháp vài chục người chạy thoát. Vẫn theo Trần Canh, trong trận Thất Khê, các đơn vị của Đại đoàn 308 bỏ đi lấy gạo, khiến Chiến đoàn Le Page an toàn tới Đông Khê. Trần Canh phải điện thoại cho Vương Thạc Tuyên, Cố vấn ĐĐ 308, tổ chức truy kích, tập trung được đại đội đánh theo đại đội, tiểu đoàn đánh theo tiểu đoàn. Nhờ vậy, Marcel Le Page bị chặn ở Cốc Xá, không tiến lên được điểm hẹn với cánh quân triệt thoái Cao Bằng của Đại tá Pierre Charton. Rồi cả hai chiến đoàn Pháp bị gần hai sư đoàn Việt Minh đánh tan tác, bắt gọn làm tù binh.

Ngày 11/10/1950, khi gặp Hồ và Giáp thảo luận về ưu khuyết điểm của VM, Trần Canh còn dạy bảo Hồ và Giáp cách vận động *tinh thần anh hùng cách mạng* [revolutionary heroism] để giữ tinh thần chiến đấu cao. Hồ và Giáp rất vui vẻ đón nhận “những nghi thức Mao-ít” [Maoist rituals] này. Không những chỉ học tập tổng kết chiến thắng, đưa ra những giai thoại anh hùng của bộ đội hay nữ dân công, Hồ còn phối hợp với Bắc Kinh tổ chức một đoàn du thuyết ở Hoa Nam về chiến thắng biên giới, mà theo Hồ “là thắng lợi của tinh thần chủ nghĩa quốc tế vô sản [triumph of proletarian internationalism.” (30)

Cá nhân Hồ cũng tạo nên huyền thoại về những cuộc tiếp xúc tù binh Pháp, kể cả Charton và Le Page. Hồ còn mời Đặng Văn Ngữ ở Nhật và Tiến sĩ Toán Lê Văn Thiêm dự tiệc chiến thắng. (31)

30. Hoàng Văn Hoan, 1987:352; Zhai, 2000:32-3.

31. Lê Văn Hiến, *Nhật ký một Bộ trưởng*, 2 tập (Hà Nội: 2004), II:439.

Cuối năm 1950, đầu 1951, Giáp muốn theo lời chỉ dạy của Trần Canh phô diễn tài năng quân sự tại trung du, ở Vĩnh Yên và Mạo

Khê, lập tức bị de Lattre de Tassigny đánh thảm bại khiến Hồ bắt Lê Trọng Tấn phải “rửa mặt.”

Tài liệu Trung Cộng cũng tự nhận năm 1953-1954, Vi Quốc Thanh cùng cố vấn TC mới thực sự tổ chức và chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ—trận đánh vang dội thế giới. Năm 2001, Võ Giáp chống chế là chính mình cho lệnh tạm ngừng tấn công Điện Biên Phủ—đổi từ *đánh nhanh thắng nhanh* qua *đánh chậm, thắng chắc*. Nhưng khó thể phủ nhận được điều mùa Thu 1953, Vi Quốc Thanh và Quân Ủy Trung Ương Hồng quân Trung Hoa hủy bỏ kế hoạch sơ khởi đánh đồng bằng của Võ Giáp, chuyển sang hướng tây bắc Bắc Việt (tức Lai Châu), rồi tạo nên trận Điện Biên Phủ để có thể đình chiến cho Pháp rút quân, và chia Việt Nam làm hai vùng trú quân với vĩ tuyến 17 làm ranh giới.

Điều khiến các sử gia và chiến thuật gia thắc mắc là tại sao Bộ Chính Trị và Quân Ủy Trung Ương QĐND Việt Nam không bạch hoá tư liệu về hai chiến dịch trên? Sự im lặng của Quân Ủy Trung Ương QĐNDVN gần 20 năm qua, cùng những lời tự biện hộ vụng về của Võ Giáp trong các tập hồi ký tái bản năm 2001 có lẽ cho thấy tinh thần kỷ luật khá cao của Võ Giáp: **Theo lệnh Hồ và Đảng, đứng ra nhận những chiến công của “bạn!”**

Sau Hiệp định Geneva (20-21/7/1954), Giáp lên đến tột đỉnh uy quyền. Tháng 9/1955, Giáp là Ủy viên Bộ Chính Trị (xếp hàng thứ 5), Phó Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Quốc Phòng, Tổng Tư Lệnh Quân đội. Tháng 9/1960, tại Đại Hội kỳ III Giáp vẫn được bầu vào Bộ Chính trị (dưới Phạm Hùng, trên Lê Đức Thọ), và tiếp tục giữ chức Bí thư Quân ủy Trung ương. (ND, 11/9/1960)

Tuy nhiên, uy quyền Giáp ngày một soi mòn sau Hội nghị 10 (khóa II) năm 1956—với nghị quyết sửa sai, ngưng đấu tố. Hồ tự mình giữ chức Tổng Bí thư, và gọi Lê Duẩn từ trong nam ra làm Thường vụ Ban Bí thư. Là một trong những cán bộ kỳ cựu, Xứ ủy viên Trung Kỳ và Ủy



viên Ban Chấp Ủy Trung ương lâm thời, rồi Thư ký Trung Ương Cục Miền Nam, Lê Duẩn loại bỏ dần ảnh hưởng nhóm Trường Chinh và Võ Giáp, mở đầu cuộc thôn tính miền nam, tức giai đoạn II của Cuộc Chiến 30 Năm từ năm 1957. Nhưng mãi tới Hội nghị thứ 15 mở rộng (1-5/1959), mới được Mao Nhuận Chi bật đèn xanh—với điều kiện chỉ được đánh nhỏ, nặng về chính trị hơn quân sự—mà sau này, Trường Chinh và Trần Văn Giàu từng gọi là “chống Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng.”

Đáng ghi nhận là chưa thấy công bố hồi ký Võ Giáp về giai đoạn II của cuộc Tam Thập Niên Chiến (1959-1975)—hay nghệ thuật đi giầy giữa Mat-sco-a và Bắc Kinh để có quân viện đánh chiếm (hay, giải phóng, nếu muốn) miền nam—nói rộng biên giới của vùng ảnh hưởng “tân thực dân xã hội chủ nghĩa” Hán tộc [neo-socialist colonialism]. Anh hùng từng đại thắng thực dân Pháp khép mình trong những chuyến đi cầu viện khắp nơi—đặc biệt là Bắc Kinh và Mat-sco-va. Từ sau cuộc Tổng công kích Mậu Thân (1968) và, đặc biệt, từ sau cái chết của Hồ Chí Minh ngày 2/9/1969, uy thế Giáp bắt đầu xuống dốc. Tại Đại Hội kỳ IV của Đảng CSVN (12/1976), dù vẫn giữ ghế Bộ Chính Trị, Giáp bị xếp hạng dưới Phạm Hùng (hạng 4) và Lê Đức Thọ (hạng 5) (ND, 21/12/1976). Tiếp tục làm BT/QP cho đến năm 1978 nhưng mờ nhạt dần trước hào quang của Văn Tiến Dũng. Rồi, ngày 7/2/1980, Giáp mất chức BT/QP và Bí thư Quân ủy Trung ương. Tháng 3/1982, ở tuổi 71, Giáp ra khỏi Bộ Chính Trị, và chỉ còn hư vị Phó Thủ Tướng đặc trách Khoa Học và Giáo Dục. (TTLTQG 3 (Hà Nội), QH, HS 5865)

Uy tín Giáp bị xuống dốc hơn nữa từ khi guồng máy tuyên truyền Bắc Kinh tiết lộ rằng các cố vấn quân sự Cộng Sản TH đã đóng góp không nhỏ trong việc bày binh, bố trận của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa từ năm 1950 tới 1954, đặc biệt là các chiến dịch biên giới 1950 và chiến dịch Điện Biên Phủ 1954. Ngày 17/2/1979, 320,000 Quân Giải Phóng Trung



Hoa, có tăng pháo và Không quân yểm trợ, còn lữ lượt kéo sang phá hủy và tàn sát dân chúng sáu tỉnh biên giới, từ Lai Châu, Lào Kai, đến Lạng Sơn, Móng Cái trong cái gọi là “bài học Đặng Tiểu Bình” cho Lê Duẩn và Đảng CSVN. Những đại anh hùng tự nhận “đánh Pháp, đuổi Mỹ” đều còn sống, nhưng chỉ cúi đầu im lặng. Rồi, tới năm 1999 và 2000 cắt đất cắt biển cho Bắc Kinh, đổi hòa bình. Một thời, Bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn Dy Niên và trợ lý không ngừng tuyên bố rất hài lòng với các hiệp ước đã ký kết—mở đường cho Trung Nam Hải tự nhận chủ quyền 80% biển Đông cùng hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vào năm 2009. Trong nước, áp lực của Đại sứ quán Trung Cộng khiến Đảng và chính phủ CHXHCNVN nghẹt thở. Các tùy viên văn hóa, kinh tế hay chính trị không ngớt cho lệnh bắt giữ người này, truy tố người khác vì “bài Trung Quốc.” Ngư dân Việt không ngừng bị bắt giữ hay thăm sát vì lệnh cấm tự áp đặt của Trung Nam Hải. Những người còn thiết tha với tiền đồ dân Việt và nước Việt không khỏi bùi ngùi tự hỏi **Việt Nam đi về đâu?**

Mùa Thu 2013—giữ lúc Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN—họp hội nghị thứ 8 (30/9-9/9/2013)—Võ Giáp từ trần lúc 18G48 ngày 4/10. Thọ 102 tuổi. **Một trăm lẻ hai tuổi.** Giác mơ của bao người, cũng lời chúc tụng quen thuộc lên những bậc trưởng lão.

Tướng Giáp sẽ được lễ quốc tang [ngày 13/10/2013], như một khai quốc công thần—khác hẳn cái chết tối tăm, u uất của “Chín Vinh” Tạ Ngọc Phách, tức Trung tướng Trần Độ thập niên trước. Nhưng thực chẳng, xét theo khả năng quân sự, Võ Nguyên Giáp xứng đáng là một Đại tướng? Tại sao Hồ Chí Minh không phong Thống chế cho tướng Giáp? Tại sao Lê Duẩn “chê” tướng Giáp, chọn Văn Tiến Dũng (1915-2002) chỉ huy những trận như Mậu Thân (1968), Hạ Lào (1971), Quảng Trị (1972)? Và rồi, chiến dịch Hồ Chí Minh (1975)—trên thực tế chỉ có hai trận đánh

Phước Long (1/1975) và Ban Mê Thuột (3/1945)—tiếp nối bằng chiến lược bỏ của chạy lấy người của Nguyễn Văn Thiệu (1923-2001), và bài diễn văn đầm nước mắt, nước mũi, của những cai thầu chiến tranh tối ngày 21/4/1975 trước ngày phản bội đồng đội, tháo chạy qua Đài Loan.

Được Hồ tuyên thệ vào Đảng CSDD năm 1940—giống như Phạm Văn Đồng, Giáp là thuộc hạ và học trò trung thành nhất của Hồ, làm bất cứ điều gì Hồ sai bảo, từ đứng ra nhận chiến công biên giới 9-10/1950, hay Điện Biên Phủ 1953-1954 tới trấn áp cuộc nổi dậy của nông dân Quỳnh Lưu. Chỉ có những “sử gia nhân dân,” mới ca ngợi Giáp là anh hùng dân tộc, ngang hàng những Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo hay Quang Trung. Họ không phân biệt nổi rằng **trên thực chất ba vị anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo và Nguyễn Huệ dạy cho vua quan Tống, Nguyên và Thanh những bài học quân sự chua cay, trong khi Võ Giáp chỉ có công đứng ra nhận chiến công đả bại Pháp của Trần Canh và Vi Quốc Thanh.**

*Houston, 31/8/2010 - 9/10/2013*  
*Chính Đạo*